

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 22-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Chuyên**

2. Ông **Lã Ngọc Tường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Hoàng Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị
Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2018/TLST-DS ngày 22/6/2018 về “Yêu cầu hủy hợp
đồng mua bán xe và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 220/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số
301/2019/QĐ-TA ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị P - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Đức T - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Anh Phí Thế P - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 28C, khu 21, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P, anh P có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Đoàn
Thị P trình bày:** Ngày 12/01/2018, chị P và anh Lê Đức T có làm hợp đồng mua bán
xe ô tô chiếc xe mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung
4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con. Theo chứng nhận đăng ký xe

ô tô số: 008058, do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015. Đứng tên chủ xe: Đoàn Thị P với giá 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng anh T mới trả 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) vì thiếu tiền nên chị P và anh T có lập 01 hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2018 với số tiền còn nợ lại là: 285.000.000 đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) hạn đến ngày 26/01/2018 thì anh T phải trả đầy đủ cho chị P. Nếu quá thời hạn nêu trên anh T không trả đủ tiền thì anh T phải trả lại xe cho chị P và hủy hợp đồng mua bán xe. Sau khi ký hợp đồng xong do anh T cần cho khách thuê xe ngay, do nể là hàng xóm nên chị P đã giao T bộ giấy tờ xe cho anh T. Ngày 26/01/2018, anh T trả cho chị P 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), sau ngày 26/01/2018 anh T trả 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), khi hai bên giao nhận tiền hai bên không có giấy tờ giao nhận tiền cho nhau. Số tiền anh T còn nợ lại là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) đã quá thời hạn trên anh T không chịu trả, chị P có đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh T không trả và chị P có thông báo cho anh T biết nếu anh T không trả nốt cho chị số tiền mua xe ô tô thì chị P sẽ hủy hợp đồng mua bán xe. Nay chị P khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hợp đồng mua bán xe giữa chị P và anh T đã ký ngày 12/01/2018 và buộc anh T phải trả lại 01 xe ô tô và đăng ký xe ô tô mang tên chị P, chị P sẽ có trách nhiệm trả lại tiền cho anh T 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) mà chị P đã nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lê Đức T vắng mặt nhưng ngày 09/7/2018 anh T có lời khai tại Tòa án như sau: Anh T nhất trí về nội dung mua bán xe với chị P ngày 12/01/2018 và hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2018 như chị P trình bày là đúng. Sau khi ký hợp đồng xong anh T đã trả cho chị P 300.000.000đ và chị P đã giao xe cho anh T. Anh T còn nợ lại chị P là 285.000.000đ, hai bên lập một hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2018 và hạn đến ngày 26/01/2018 anh T trả nốt số tiền xe nếu quá thời hạn anh T không trả được thì hủy hợp đồng mua bán xe. Theo anh T khai trong thời gian đó anh T đã trả cho chị P là 150.000.000đ, khi giao tiền cho chị P anh T có ký giấy giao nhận tiền nhưng chị P giữ giấy tờ. Anh T còn nợ lại chị P 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và chị P tính lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi ký hợp đồng vay tiền xong hai bên thỏa thuận chị P giao T bộ giấy tờ xe cho anh T nhưng chị P vẫn giữ lại 01 chìa khóa phụ của xe. Nay chị P yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe lập ngày 12/01/2018 giữa anh T và chị P, anh T nhất trí trả lại xe cho chị P và chị P trả lại số tiền đã nhận của anh T là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Đồng thời về việc chị P khai anh T bán chiếc xe ô tô đã mua của chị P cho anh Phí Thế P là không đúng vì anh T vay tiền của anh P và thế chấp bằng chiếc xe ô tô của chị P nên anh P đang quản lý, sử dụng chiếc xe.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Phí Thế P trình bày: Ngày 07/04/2018, anh T mang 01 chiếc xe ô tô BKS 19A-09857 mang tên Đoàn Thị P và 01 đăng ký xe oto mang tên Đoàn Thị P, 01 Hợp đồng mua bán xe giữa chị P và anh T, đến cửa hàng cầm đồ của anh P vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) anh T có nói với anh P là xe ô tô anh T mua của chị P nhưng chưa sang tên

đổi chủ được. Anh T hẹn anh P sau 02 tháng sẽ lấy lại xe và thanh toán tiền cho anh P nên anh P cho anh T vay 500.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền cho nhau. Do quá hạn cam kết không thấy anh T quay lại lấy xe và trả tiền nên ngày 20/8/2018 anh P mang chiếc xe đi sang tên mình nhưng không được vì chị P đã gửi đơn đến phòng CSGT-PC45 nên anh P không sang tên được.

Nay anh P có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc anh T trả lại cho anh 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), anh không tính lãi kể từ khi vay cho đến nay, anh sẽ trả lại xe ô tô cho anh T và giấy tờ đăng ký xe. Số tiền chi phí giám định anh P xin chịu không đề anh T phải chịu số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

- Về nội dung vụ án:

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P:

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Phí Thế P

Hủy hợp đồng mua bán chiếc xe mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008058, do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 đứng tên Đoàn Thị P tại văn phòng công chung Hùng minh ngày 12/01/2018 giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T.

Buộc anh Phí Thế P trả cho chị Đoàn Thị P 01 xe ô tô chiếc xe mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008058 do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 đứng tên Đoàn Thị P và 01 giấy đăng ký xe đứng tên chị P.

Buộc chị Đoàn Thị P phải trả 440.000.000 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho anh Lê Đức T. Buộc anh Lê Đức T phải trả 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) cho anh Phí thế P trong đó có 440.000.000đ anh T nhận của chị P.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố V đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 08/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố V đã có công văn gửi phòng cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đề nghị trả lời cho Tòa án nhân dân thành phố V biết về hành vi của anh Lê Đức T đối với nội dung đơn tố giác của chị Đoàn thị P tại cơ quan điều tra có bị truy cứu trách nhiệm hình sự không. Ngày 20/5/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã có công văn trả lời xác định không có dấu hiệu của tội phạm đối với hành vi có liên quan đến việc mua xe ô tô mazda 3 giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T. Do đó vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt, sau khi anh Phí thế P có yêu cầu độc lập Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Đức T.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật thì đây là quan hệ pháp luật dân sự về: “tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản”, thời hiệu giải quyết vẫn còn, như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

***Xét về nội dung:** *Xét về nội dung* là chị Đoàn Thị P là đề nghị Tòa án hủy hợp đồng mua bán xe giữa chị P và anh T đã ký ngày 12/01/2018 và buộc anh T phải trả lại 01 xe ô tô và đăng ký xe ô tô mang tên chị P, chị P sẽ có trách nhiệm trả lại tiền cho anh T 440.000.000 triệu đồng mà chị P đã nhận của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

- Xét về hợp đồng mua bán xe giữa chị P và anh T đã ký ngày 12/1/2018 giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T:

Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng mua bán xe ô tô ký kết giữa giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T được lập thành văn bản và được Công chứng tại phòng công chứng Hùng Minh, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 12/01/2018, số công chứng 56. Như vậy, về hình thức hợp đồng là phù hợp với pháp luật.

Về nội dung của hợp đồng: Chiếc xe ô tô chiếc xe mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con. Theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008058, do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 là thuộc sở hữu của chị Đoàn Thị P. Khi lập hợp đồng mua bán xe với anh T, chị P hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa đảo.

Do vậy, hợp đồng mua bán xe ô tô ký kết giữa giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T ngày 12/01/2018 là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô, chị P đã giao xe và giấy tờ đăng ký xe ô tô mang tên chị P cho anh T và chị P nhất trí cho anh T nợ lại số tiền 285.000.000 đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Số tiền còn thiếu, hai bên nhất trí lập 01 hợp đồng vay tiền ngày 12/01/2018 với số tiền còn nợ lại là: 285.000.000 đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn) hạn đến ngày 26/01/2018 thì anh T phải trả đầy đủ cho chị P. Phần nội dung hợp đồng có ghi: Hai bên thỏa thuận đồng ý cho nhau nợ số tiền trên với thời gian từ khi lập và ký hợp đồng mua bán xe từ ngày 12/01/2018 đến ngày 26/01/2018 thì bên mua trả đủ số tiền cho bên bán. Nếu quá thời gian mà bên mua chưa trả đủ số tiền còn nợ cho bên bán thì bên mua phải trả lại xe cho bên bán và làm thủ tục hủy hợp đồng mua bán xe. Nếu quá thời hạn nêu trên anh T không trả đủ tiền thì anh T phải trả lại xe cho chị P và hủy hợp đồng mua bán xe.

- Xét về việc thực hiện nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T thấy rằng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng theo chị P khai anh T đã trả cho chị tổng là 440.000.000 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) trả làm 03 lần, lần 1 vào ngày 12/01/2018 là 300.000.000đ sau khi ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô, lần 2 ngày 26/01/2018 là 50.000.000đ, lần 3 sau ngày 26/01/2018 là 90.000.000đ, khi anh T giao tiền cho chị P hai bên không viết giấy tờ giao nhận tiền cho nhau. Số tiền anh T còn nợ lại chị là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Theo lời trình bày của anh T là anh T đã trả cho chị P tổng số tiền mua bán chiếc xe ô tô là 470.000.000 đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh anh T đã trả cho chị P 470.000.000đ nên không có căn cứ để chấp nhận, chị P thừa nhận anh T đã trả cho chị P là 440.000.000đ nên chỉ có căn cứ chấp nhận là anh T đã trả cho chị P 440.000.000đ. Vì anh T vi phạm do chậm thực hiện nghĩa vụ không trả hết số tiền mua xe ô tô cho chị P và T cũng nhất trí hủy hợp đồng mua bán xe ô tô nên yêu cầu của chị P là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận: Hủy hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 12/01/2018 giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T. Buộc anh Lê Lê Đức T trả lại cho chị Đoàn Thị P 01 xe ô tô chiếc xe mazda 3, màu sơn trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008058, do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 đứng tên Đoàn Thị P. Chị Đoàn Thị P có trách nhiệm trả lại cho anh T số tiền mua bán ô tô đã nhận là 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

****Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phí Thế P:***

Ngày 07/4/2019, anh T mang 01 chiếc xe ô tô BKS 19A-09857 mang tên Đoàn Thị P và 01 đăng ký xe oto mang tên Đoàn Thị P, 01 Hợp đồng mua bán xe giữa chị P

và anh T, đến cửa hàng cầm đồ của anh P vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền cho nhau.

Từ khi anh P có đơn yêu cầu độc lập, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa. Tòa án đã tiến hành thủ tục giám định chữ ký và chữ viết của anh Lê Đức T tại Giấy vay tiền ngày 07/4/2018 giữa anh Phí Thế P và anh Lê Đức T. Tại kết luận giám định số 403/KLGD ngày 04/3/2019, nội dung như sau: Chữ ký và chữ viết tại mẫu giám định và mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận, chữ ký và chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 07/4/2018 giữa anh Phí Thế P và anh Lê Đức T đúng là của anh Lê Đức T, cần chấp nhận nội dung của giấy vay tiền trên giữa anh P và anh T.

Do vậy cần buộc anh Lê Đức T phải trả cho anh Phí Thế P 500.000.000đ và buộc anh P phải trả lại cho anh T 01 chiếc xe ô tô BKS 19A-09857 mang tên Đoàn Thị P và 01 đăng ký xe oto mang tên Đoàn Thị P.

Về lãi xuất: Anh P không yêu cầu anh T phải trả lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.000.000đ anh P xin tự nguyện chịu T bộ và không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị P, anh P được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều Điều 423, Điều 424, Điều 427, Điều 430, Điều 434, Điều 440 Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2, khoản 6 Điều 26, khoản 3 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1/ Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị P:

+ Hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô mazda 3, màu sơn trắng, biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con, ký kết giữa chị Đoàn Thị P và anh Lê Đức T, công chứng tại phòng công chứng Hùng Minh, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 12/01/2018, số công chứng 56.

+ Buộc anh Lê Đức T trả lại cho chị Đoàn Thị P 01 xe ô tô chiếc xe mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 008058, do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 đứng tên Đoàn Thị P. Chị

Đoàn Thị P có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Đức T số tiền 440.000.000 đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Phí Thế P:

Buộc anh Lê Đức T phải trả cho anh Phí Thế P số tiền đã vay là 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng) trong đó có 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) anh T nhận của chị P. Anh P có trách nhiệm trả lại cho anh T 01 chiếc xe ô tô mazda 3, màu sơn: trắng; biển kiểm soát 19A - 098.57, số khung 4AA6FC018777, số máy: P520299320, loại xe: ô tô con và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008058 do phòng CSGT Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/08/2015 đứng tên Đoàn Thị P để anh T trả lại chiếc xe này cho chị P.

Kể từ khi chấm dứt hiệu lực pháp luật, anh P có đơn đề nghị thi hành án mà anh T không thanh toán tiền theo bản quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điều 357, 468 bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng anh Lê Đức T phải chịu là 24.300.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đoàn Thị P số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005140 ngày 21/6/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Trả lại cho anh Phí Thế P số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000321 ngày 16/10/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP V, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án TP V;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Đào